

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN IA H'DRAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TTr-UBND

Ia H'Drai, ngày tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc xin phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Trường Mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 47/2011/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ia H'Drai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định một số nội dung về công tác quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 24/4/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai về việc giao Ủy ban nhân dân huyện Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của huyện Ia H'Drai;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai về Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về việc giao Kế hoạch đầu tư công nguồn NSNN năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 08/03/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của huyện Ia H'Drai lần 1;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 08/03/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai về Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 lần 1;

Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 15/03/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai về việc giao Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 lần 1;

Trên cơ sở Báo cáo số 69/BC-BQL ngày 02/4/2021 và Tờ trình số 59/TTr-BQL ngày 05/4/2021 của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng huyện; Báo cáo số 110b/BC-PTCKH ngày 20/4/2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch. Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai kính trình Hội đồng nhân dân huyện quyết nghị chủ trương đầu tư dự án: Trường Mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ), với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu đầu tư:

- Đảm bảo phục vụ nhu cầu thiết yếu của học sinh bán trú, nhà ở giáo viên góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.
- Từng bước tạo lập cơ sở vật chất khang trang cho trường, qua đó nâng cao chất lượng cho việc dạy và học.

2. Quy mô đầu tư:

Đầu tư mới nhà học 06 phòng diện tích khoảng 469 m², phòng chức năng diện tích khoảng 184,08 m², bếp ăn diện tích khoảng 95,04 m², nhà công vụ diện tích khoảng 142,56 m² và các hạng mục phụ trợ như: Giá bồn nước, sân bê tông, bể nước ngầm 30 m³, hầm tự hoại, điện nước tổng thể & PCCC...

3. Dự án nhóm: C

- Loại công trình: Công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp III.

4. Tổng mức đầu tư của dự án: 8.000.000.000 đồng (*Tám tỷ đồng*). Trong đó:

- Chi phí xây dựng	6.540.237.978 đồng;
- Chi phí thiết bị	390.800.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án	206.796.969 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng	597.314.615 đồng;
- Chi phí khác	98.620.356 đồng;
- Chi phí dự phòng	166.230.082 đồng.

(Có bảng khái toán tổng mức đầu tư chi tiết kèm theo)

5. Cơ cấu nguồn vốn: Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (*Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT*) và các nguồn hợp pháp khác.

6. Địa điểm thực hiện: Xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

7. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021.

8. Tiến độ thực hiện dự án: Tối đa 03 năm.
9. Hình thức đầu tư của dự án: Đầu tư mới.
10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.
11. Phương thức tổ chức thực hiện: Theo đúng quy định hiện hành.

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án: Trường Mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND huyện;
- Lưu: VT-TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Nhàn

BẢNG TỔNG HỢP KHÁI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**Công trình: Trường Mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ)***(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)**Dvt: Đồng*

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	SAU THUẾ	K.HIỆU	CÁCH TÍNH
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	5.945.670.888	594.567.090	6.540.237.978	Gxd	$Gxd=Gxd1..+d8$
1	Phòng chức năng	878.335.455	87.833.545	966.169.000	Gxd1	Khái toán
2	Nhà công vụ	857.299.980	85.729.998	943.029.978	Gxd2	Khái toán
3	Nhà bếp	629.333.636	62.933.364	692.267.000	Gxd3	Khái toán
4	Nhà học 6 phòng	2.901.710.909	290.171.091	3.191.882.000	Gxd4	Khái toán
5	Điện nước tổng thể & PCCC	293.121.818	29.312.182	322.434.000	Gxd5	Khái toán
6	Bể nước ngầm 30m3	99.492.727	9.949.273	109.442.000	Gxd5	Khái toán
7	Giá bồn 2000L	65.762.727	6.576.273	72.339.000	Gxd6	Khái toán
8	Sân bê tông	220.613.636	22.061.364	242.675.000	Gxd7	Khái toán
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	355.272.727	35.527.273	390.800.000	Gxd	Bảng tính
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	206.796.969		206.796.969	Gqlda	$(Gxd+Gtb)*3,282\%$
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	543.013.285	54.301.330	597.314.615	Gtv	$Gtv=Gtv1+...+Gtv7$
1	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	270.145.525	27.014.553	297.160.078	Gtv1	$(Gxd+Gtb)*4,287\%$
2	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	15.339.831	1.533.983	16.873.814	Gtv2	$Gxd*0,258\%$
3	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	14.864.177	1.486.418	16.350.595	Gtv3	$Gxd*0,25\%$
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	195.315.289	19.531.529	214.846.818	Gtv4	$(Gxd)*3,285\%$

5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	19.531.529	1.953.153	21.484.682	Gtv5	$Ggs*10\%$
6	Chi phí thẩm định giá thiết bị	2.131.636	213.164	2.344.800	Gtv6	$Gtb*0.6\%$
7	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây lắp	25.685.298	2.568.530	28.253.828	Gtv7	$Gxd*0,432$
V	CHI PHÍ KHÁC	91.984.792	6.635.564	98.620.356	Gk	$Gk=Gk1+...+Gk9$
1	Chi phí bảo hiểm công trình (TT329/2016/BTC)	4.756.537	475.654	5.232.191	Gk1	$Gxd*0,08\%$
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán (TT: 10/2020/TT-BTC)	18.330.406		18.330.406	Gk2	$(TMĐT-Gdp)*50%*0,468\%$
3	Chi phí kiểm toán (TT: 10/2020/TT-BTC)	55.653.416	5.565.342	61.218.758	Gk3	$(TMĐT-Gdp)*0,781\%$
4	Chi phí thẩm định báo cáo KTKT (TT: 176/2011/TT-BTC)	744.208		744.208	Gk4	$(TMĐT-Gdp)*0,019%*50\%$
5	Phí thẩm định thiết kế (TT210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016)	2.943.107		2.943.107	Gk5	$Gxd*0,0495\%$
6	Phí thẩm định dự toán (TT210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016)	2.853.922		2.853.922	Gk6	$Gxd*0,048\%$
7	Chi phí thẩm định HSMT thi công (NĐ 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014)	2.972.835	297.284	3.270.119	Gk7	$(Gxd)*0,05\%$
8	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công (NĐ 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014)	2.972.835	297.284	3.270.119	Gk8	$(Gxd)*0,05\%$

9	Lệ phí thẩm định phê duyệt thiết kế về PCCC	757.526		757.526	Gk9	$(TMĐT-Gdp)*0,00967\%$
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG			166.230.082	Gdp	$Gdp=Gtm-(Gxd+Gqlda+Gtv+Gk)$
	TỔNG CỘNG			8.000.000.000	TMĐT	$I+\dots+VI$

Ghi chú: Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (*Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT*) và các nguồn hợp pháp khác.

